



THE  
WORLD  
BANK



Dự án VnSAT - Chuyển đổi nông nghiệp bền vững

# BẢN TIN TUẦN

Tuần 50 (từ 10/12 – 16/12/2017)



## THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

### ĐIỂM TIN

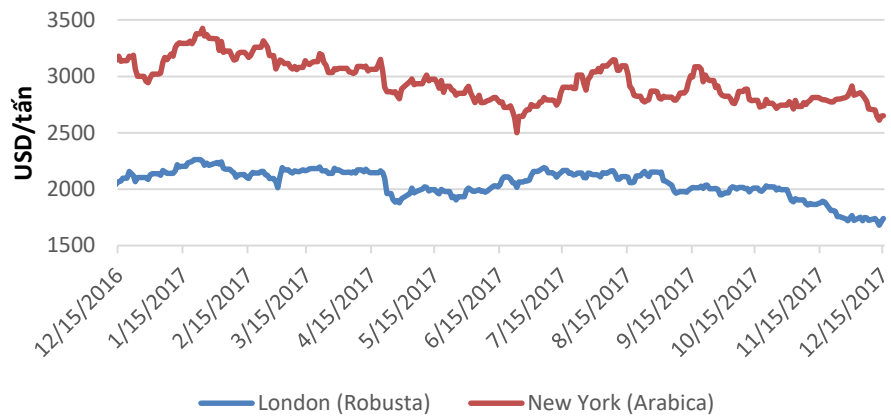
Giá Robusta kỳ hạn tuần này tiếp tục giảm

Giá Arabica kỳ hạn trong tuần giảm 5% so với tuần trước

Sản lượng cà phê Colombia tháng 11 giảm 21%

ICO dự báo sản lượng cà phê thế giới niên vụ 2017/18 đạt 158,69 triệu bao (60kg/bao)

Giá cà phê đóng cửa tại các sàn London và NewYork



Nguồn: Sàn kỳ hạn ICE, [www.theice.com](http://www.theice.com)

Giá cà phê Robusta bình quân trên sàn kỳ hạn London tuần này đạt 1.719 USD/tấn, giảm 1% so với tuần trước và thấp hơn 16% so với cùng kỳ năm 2016. Giá cao nhất trong tuần đạt 1.740 USD/tấn, giá thấp nhất là 1.680 USD/tấn [1].

Giá cà phê Arabica bình quân trên sàn kỳ hạn New York tuần qua đạt 2.652 USD/tấn, giảm 5% so với tuần trước và thấp hơn 15% so với cùng thời điểm năm 2016. Giá cao nhất trong tuần đạt 2.703 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần đạt 2.611 USD/tấn [1].



Tổ chức cà phê quốc tế (ICO) đưa ra dự báo sản lượng cà phê thế giới niên vụ 2017/18 sẽ tăng 0,8% đạt 158,69 triệu bao nhờ tăng sản lượng tại các khu vực tại châu Á, Trung Mỹ và Mexico [2].

Ngân hàng Rabobank tại Hà Lan điều chỉnh dự báo, sản lượng toàn cầu sẽ tăng 4,1 triệu bao. Trong khi tiêu dùng toàn cầu đạt 159,7 triệu bao, thấp hơn 400 ngàn bao so với công bố trước đó trong tháng 11/2017 [4].

Theo công ty CoffeeNetwork, thị trường cà phê thế giới sẽ dư cung trong mùa vụ 2018/19 do sản lượng tăng mạnh từ Brazil. Cũng theo các nhà phân tích tại công ty này, nhờ vào sự ổn định sản xuất tại Colombia và Việt Nam, nguồn cung cà phê toàn cầu có thể đạt 3,7 triệu bao trong niên vụ 2018/19, tăng 0,9 triệu bao so với mùa vụ trước [10].

Liên đoàn các nhà trồng cà phê quốc gia Colombia (Fedecafe) thông báo trong tháng 11/2017, nước này thu hoạch được 1,3 triệu bao cà phê, giảm 21% so với tháng 11/2016 (1,65 triệu bao) do ảnh hưởng của mưa lớn. Lũy kế sản lượng cà phê Colombia 11 tháng đầu năm giảm 2%, đạt 12,6 triệu bao cà phê, so với 12,9 triệu bao cà phê cùng kỳ năm 2016 [3].

Colombia đang có kế hoạch tăng sản lượng cà phê lên thành 18 triệu bao/năm, tương đương 29% nhờ cải tiến giống cây trồng và thay thế cây cacao bằng cây cà phê tại một số khu vực mới giành lại hòa bình sau cuộc nội chiến kéo dài 52 năm tại quốc gia này [10].

Cơ quan phát triển cà phê Uganda (UCDA) cho biết, xuất khẩu cà phê trong hai tháng đầu của niên vụ 2017/18 (tháng 10 – tháng 11/2017) tăng 31% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt 0,81 triệu bao [10].



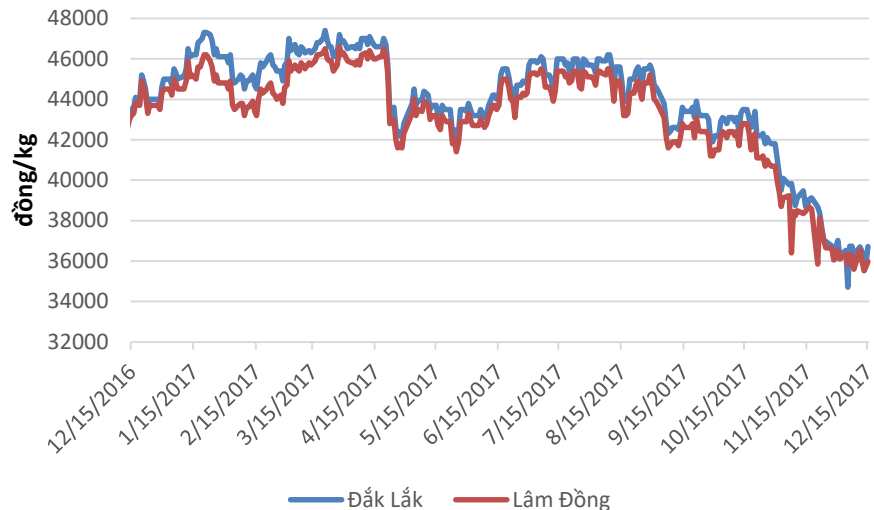
## ĐIỂM TIN

Giá cà phê tại Tây Nguyên tuần này tiếp tục giảm

Bộ Nông nghiệp và PTNT định hướng ngành cà phê đến 2020 không tăng diện tích mà đẩy mạnh liên kết và chế biến sâu nhằm tăng giá trị gia tăng

## THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

Biến động giá cà phê trong nước



Nguồn: CTV dự án VNSAT thu thập

Giá cà phê tại khu vực Tây Nguyên tuần này không thay đổi nhiều so với tuần trước. Tại Đắc Lắc, giá cà phê bình quân đạt 36.281 đ/kg, tăng 79 đồng so với tuần trước nhưng vẫn thấp hơn 18% so với cùng kỳ năm 2016. Tại Lâm Đồng, giá cà phê giảm 121 đồng xuống còn 35.957 đ/kg, thấp hơn 18% so với cùng kỳ năm 2016 [5].

Giá cà phê xuất khẩu giao ngay (FOB) tại cảng Sài Gòn biến động cùng xu hướng với giá Robusta trên sàn London. Giá bình quân tuần này đạt 1.634 USD/tấn, giảm 1,2% so với tuần trước và thấp hơn 17% so với cùng kỳ năm 2016 [7].

Tại hội thảo Thời kỳ phát triển mới của ngành cà phê Việt Nam diễn ra ở Đà Lạt (Lâm Đồng) tuần trước, Bộ trưởng Bộ NN&PTNT, ông Nguyễn Xuân Cường, đã chỉ ra khá nhiều điểm nghịch lý của ngành cà phê Việt Nam trong những năm qua. Cụ thể, diện tích cà phê Việt Nam đã chiếm 645.000ha, sản lượng đạt 1,6 triệu tấn (năm 2016), trở thành nước sản xuất cà phê lớn thứ hai thế giới (sau Brazil). Năng suất cà phê của Việt Nam trung bình đạt 2,5 tấn nhân khô/ha, cao gấp 3 lần so với năng suất cà phê bình quân của thế giới. Tuy nhiên, giá trị và thương hiệu của ngành cà phê nước ta lại rất thấp [9].

Theo Bộ trưởng một trong những nguyên nhân khiến Việt Nam không làm chủ được giá cả cà phê là do hạn chế của khâu tổ chức



sản xuất, chế biến và thương mại ở trong nước rất yếu. Ngoài ra, liên kết chuỗi tổ chức sản xuất chưa tốt, diện tích cà phê già cỗi chậm thực hiện tái canh, nông dân lạm dụng phân bón, thuốc BVTV... đặc biệt là vấn đề sử dụng tài nguyên nước chưa hợp lý làm cho nhiều vùng mực nước ngầm đang giảm nghiêm trọng. Tất cả đã dẫn đến chi phí sản xuất cà phê cao, chất lượng chưa đảm bảo, ảnh hưởng trực tiếp đến giá thành cà phê và lợi nhuận [9].

Theo Hiệp hội Cà phê – Cacao Việt Nam (VICOFCA), hiện nay, sản phẩm cà phê Việt Nam xuất khẩu sang 80 quốc gia trên thế giới, chiếm 14 % thị phần cà phê nhân của thế giới, đứng thứ 2 sau Brazil. Các thị trường yêu cầu chất lượng cao như Đức, Hoa Kỳ, Ý, Tây Ban Nha, Nhật Bản, Bỉ và Nga hiện chiếm tới 56% sản lượng xuất khẩu của Việt Nam [8].

Bộ NN&PTNT, định hướng đến năm 2030, Việt Nam sẽ tập trung thực hiện tốt quy hoạch ngành cà phê không tăng diện tích, giảm diện tích cà phê ở những nơi không có lợi thế. Tập trung vào chế biến sâu, đẩy mạnh liên kết sản xuất, xây dựng thương hiệu, nâng cao giá trị gia tăng của ngành cà phê Việt Nam [6].

### **Nguồn tham khảo:**

- [1]. <https://www.theice.com/index>
- [2]. <http://www.ico.org/Market-Report-17-18-e.asp>
- [3]. <https://scasa.co.za/>
- [4]. <https://www.agrimoney.com/>
- [5]. CTV tổng hợp giá cà phê và tin cà phê tại địa phương;
- [6]. Chi cục BVTV các tỉnh Tây Nguyên
- [7]. <https://www.customs.gov.vn/default.aspx>
- [8]. <http://giacaphe.com/>
- [9]. <https://tintaynguyen.com/nong-nghiep/>
- [10]. Reuters



## Phụ lục: Giá cà phê tại các tỉnh Tây Nguyên tuần này

ĐVT: đồng/kg

Tỉnh/Huyện	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Biến động so tuần trước
<b>Đắk Lắk</b>						
<i>Giá đại lý</i>						
Cư M'gar (xô vối)	37.300	37.000	35.900	36.200	37.300	-310
EaH'leo (xô vối)	36.867	36.567	35.533	36.067	36.567	1463
KrôngNăng (xô vối)	36.400	36.133	35.467	35.733	36.300	-260
<i>Giá công ty</i>						
Cư M'gar (xô vối)	37.800	37.500	36.400	36.700	37.800	-310
EaH'leo (xô vối)	37.600	37.400	36.600	37.000	37.500	-256
KrôngNăng (xô vối)	36.600	36.500	35.800	36.000	36.600	-208
<b>Lâm Đồng</b>						
<i>Giá đại lý</i>						
Bảo Lâm (xô vối)	36.500	36.000	35.500	35.700	36.000	198
Lâm Hà (xô vối)	36.600	36.000	35.500	35.933	35.925	-420
Đà Lạt (xô chè)	57.667	56.667	54.667	54.667	55.667	-5133
<i>Giá công ty</i>						
Bảo Lâm (xô vối)	37.000	36.500	36.000	36.200	36.500	198
Lâm Hà (xô vối)	37.133	36.500	36.000	36.600	37.200	-260
Đà Lạt (xô chè)	59.667	58.667	56.667	56.667	57.667	-5383
<b>Đắk Nông</b>						
<i>Giá đại lý</i>						
Đắk Mil (xô vối)	36.700	36.500	36.000	36.400	36.600	-146
Đắk R'lấp (xô vối)	36.833	36.600	36.000	36.467	36.667	30
Đắk Song (xô vối)	36.750	36.600	36.050	36.400	36.650	-110
<i>Giá công ty</i>						
Đắk Mil (xô vối)	37.000	36.700	36.300	36.600	36.800	-106
Đắk R'lấp (xô vối)	37.033	36.867	36.267	36.667	36.867	-77
Đắk Song (xô vối)	37.000	36.800	36.300	36.600	36.850	-240
<b>Gia Lai</b>						
<i>Giá đại lý</i>						
Chư Pưh (xô vối)	36.567	36.367	35.800	35.767	36.400	-308
Pleiku (xô vối)	36.733	36.567	35.767	36.233	36.567	-321
<i>Giá công ty</i>						
Chư Pưh (xô vối)	36.800	36.600	36.000	35.967	36.533	-332
Pleiku (xô vối)	36.933	36.767	35.967	36.400	36.767	-343
<b>Kon Tum</b>						
<i>Giá đại lý</i>						
Đắk Tô (xô vối)	36.556	36.011	35.511	35.733	33.842	-665
Đắk Hà (xô vối)	36.678	36.391	35.699	36.000	35.870	-256



Giá công ty						
Đắk Tô (xô vối)	37.100	36.544	36.044	36.311	36.733	-158
Đắk Hà (xô vối)	37.030	36.755	36.086	36.374	36.902	-215

Nguồn: CTV dự án VnSAT thu thập



Bản tin được thực hiện bởi **AGRO@INFO**

VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

**TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN**

Địa chỉ: 16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Email: [info@agro.gov.vn](mailto:info@agro.gov.vn)

Website: [www.agro.gov.vn](http://www.agro.gov.vn)